

Bản án số: 04/2024/DS-PT
Ngày 12/8/2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Truyền

Bà Hoàng Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Hiền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Dịu – Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2023/DSPT ngày 30/10/2023 về việc “*Tranh chấp đất rừng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Văn S, sinh năm 1949. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ma Văn C, sinh năm 1967. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1979 - Tư vấn viên pháp luật của Trung tâm T8.

Địa chỉ: Số D, đường N, tổ E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Sùng Văn N1 – Tư vấn viên pháp luật của Trung tâm T8.

Địa chỉ: Số D, đường N, tổ E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Đinh Xuân D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* UBND xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Chủ tịch UBND. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn S1, sinh năm 1957. Có mặt.

2. Ông La Văn G, sinh năm 1989. Vắng mặt.

3. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1933. Có mặt.

4. Ông Hoàng Văn D1, sinh năm 1966. Vắng mặt.

5. Ông Hoàng Văn C1, sinh năm 1975. Vắng mặt.

6. Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1985. Vắng mặt

7. Ông Hoàng Văn S2, sinh năm 1977. Vắng mặt.

8. Ông Hoàng Văn D2, sinh năm 1977. Vắng mặt.

9. Bà Lý Thị S3, sinh năm 1971. Vắng mặt.

10. Ông Lý Văn D3, sinh năm 1953. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn N, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

11. Ông Ma Văn M, sinh năm 1969. Vắng mặt

12. Ông Lý Văn K1, sinh năm 1967. Vắng mặt

13. Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1966. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn T, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

14. Ông Lý Phụ P, sinh năm 1955

Trú tại: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng HMông:* Ông Dương Văn T2, sinh năm 1968, công tác tại Công an tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:**

Năm 1993 ông có mua với ông Lý Phụ P một thửa đất có địa danh Kéo Kham thuộc thôn N, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Thửa đất ông mua có cả đất ruộng, đất nương rẫy và có nhà ở, chuồng trại với giá 12 triệu đồng. Thửa đất có tứ cận như sau: Bên dưới chân thửa đất giáp với khe suối; bên phải giáp đường liên thôn; bên trái giáp đường đi T; phía trên là đỉnh giông. Ông sinh sống tại ngôi nhà và canh tác trên thửa đất mua với ông P từ năm 1993 đến năm 1998 thì chuyển nhà sang địa danh Nà Còi ở nhưng vẫn quản lý thửa đất này liên tục để

cây tự nhiên phát triển. Năm 1994 ông có chia cho cháu trai là Lý Văn K2 ở cùng thôn khoảng 4000m² để canh tác, đến năm 2020 ông K2 đã bán diện tích đó cho ông Ma Văn C. Đến tháng 4/2021 ông Ma Văn C và ông Phùng Chòi N2 ở cùng thôn đã thuê máy xúc đến san ủi vào mảnh đất của ông. Sự việc đã được thôn N và UBND xã X hòa giải nhưng không thành.

Diện tích đất tranh chấp khoảng 15.000m² thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 tại khu vực thôn N, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn là một phần diện tích đất mà ông Lý Văn S nhận chuyển nhượng lại từ ông Lý Phụ P từ năm 1993. Trước khi nhận chuyển nhượng ông P có đưa ông S, ông Phùng Sành P1 (đã chết) là bố của ông C và ông Lý Văn D3 là người uy tín của thôn N đi chỉ ranh giới cụ thể trên thực địa. Toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng theo Giấy chuyển nhượng của ông Lý Phụ P có xác nhận của UBND xã X ngày 12/02/1993. Trước đây không có đường liên thôn nên phần diện tích đất gồm 15.000m² và 4000m² chia cho ông K2 mà là dãy đồi kéo dài liền nhau, từ sau nhà cũ ông P vẫn là cùng một thửa, năm 2010 Nhà nước làm đường liên thôn đi cắt ngang qua mới hình thành và thay đổi hiện trạng phần đất ông S cho ông K2 nằm phía dưới đường liên thôn. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông P, ông S đã ở tại ngôi nhà cũ của ông P và canh tác sử dụng toàn bộ diện tích tranh chấp từ năm 1993 đến năm 1998 thì chuyển sang nơi ở mới tại N cùng thôn và chuyển sang quản lý, bảo vệ để cây mọc tự nhiên đến năm 2020 có ông C đến tranh chấp. Hiện trạng đất hiện nay là các cây rừng tự nhiên phát triển do ông S quản lý, bảo vệ. Đến năm 2021 gia đình ông C đã trồng trộm vào khoảng 5000 cây quế vào dưới gốc cây mọc tự nhiên, ông S đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã X, huyện P ngăn chặn kịp thời để chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với địa danh đất tranh chấp hiện nay, thời điểm năm 1993 không ai gọi là “Kéo Khăm” mà chỉ gọi chung là “Kí Tịch” hoặc “Kí Pạo” còn địa danh “Khuổi Tịch” nằm hoàn toàn biệt lập ngoài khu vực tranh chấp. Việc Nhà nước tự đặt tên khác thì bản thân ông S từ trước đến giờ chưa từng nghe ai nói, nên ông S không biết và những người dân trong làng cũng không ai biết.

Ông S đề nghị Tòa án xem xét giải quyết gồm:

- Buộc ông Ma Văn C chấm dứt mọi hành vi tranh chấp, trả lại cho gia đình ông Lý Văn S đối với diện tích đất tranh chấp khoảng 15.000m² tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02;

- Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp khoảng 15.000m² tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 cho gia đình ông Lý Văn S theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn trình bày:***

Quả đồi có diện tích đất tranh chấp do bố mẹ ông khai phá, sử dụng trồng lúa nương, sau khi bố mẹ ông chết ông vẫn làm, nhưng hơn 10 năm nay ông không làm lúa nương nữa mà vẫn quản lý cho cây tự nhiên mọc không cho ai canh tác hoặc lấy cây. Năm 2021 ông cho cháu trai là Phùng Chòi N2 một

khoảng đất rừng để san ủi làm nhà, sau khi san ủi xong thì ông S đề nghị thôn giải quyết tranh chấp vì ông S nói đất này là của ông S.

Ông Lý Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết với diện tích khoảng 15.000m² đất rừng cho gia đình ông S thì ông không nhất trí, bởi khu đất đó gia đình ông đã quản lý, sử dụng mấy chục năm qua không có ai tranh chấp, đến năm 2021 ông Lý Văn S tự ý đến phát và cắm mốc ranh giới tại thửa đất nói trên. Ông đề nghị Tòa án tiếp tục xem xét giải quyết.

Năm 2014 ông phát hiện diện tích đất của ông đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Hoàng Văn S2 cùng thôn nên ông đã yêu cầu ông S2 làm đơn trả lại GCNQSDĐ, năm 2020 UBND huyện P đã ra Quyết định thu hồi GCNQSDĐ của ông S2. Năm 2020 và 2021 tôi trồng 5000 cây Quế trên diện tích đất trên.

*** Đại diện Ủy ban nhân dân xã X có ý kiến:** Ông nhận thấy cả hai bên nguyên đơn và bị đơn đều không có căn cứ chứng minh về nguồn gốc sử dụng diện tích đất 14.135m² đang tranh chấp. Trên thực tế từ trước đến nay diện tích đất tranh chấp vẫn do UBND xã X quản lý, chưa giao cho hộ gia đình nào. Do vậy, đề nghị hai bên không được tác động gì đến diện tích đất tranh chấp nữa và UBND xã X vẫn quản lý theo thẩm quyền.

*** Anh Phùng Chòi N2 trình bày:**

Khoảng tháng 5/2021 anh có xin ông Ma Văn C một khoảng đất rừng san ủi làm nhà ở với diện tích chiều rộng 26m, chiều sâu 15m. Sau khi san ủi xong được gần một tháng thì trưởng thôn thông báo đất anh san ủi đang xảy ra tranh chấp giữa ông S và ông C nên anh đã không dựng nhà nữa và trả lại đất đó cho ông C để các ông tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần đất đã san ủi.

*** Kết quả xác minh ngày 29 tháng 11 năm 2022, bà Hoàng Thị D4 - Công chức địa chính xã X cung cấp:** Diện tích đất tranh chấp giữa ông S và ông C có diện tích khoảng 15.000m² nằm trong thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009 có tổng diện tích 533.351m² là loại đất rừng tự nhiên sản xuất (R.Tn.S). Theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng năm 2018 thì diện tích đất tranh chấp thuộc lô 71, khoảnh 8, tiểu khu B có hiện trạng rừng và sử dụng đất là rừng gỗ tự nhiên núi đất (TXP), quy hoạch ba loại rừng là rừng sản xuất. Theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 diện tích đất tranh chấp nằm trong khu vực quy hoạch là đất rừng sản xuất. Hiện nay diện tích đất tranh chấp chưa được giao và chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nào, hiện tại toàn bộ thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 do UBND xã X quản lý.

Tại biên bản xác minh thực địa do các bên đương sự xác định ranh giới thể hiện. Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 177, tờ bản đồ số 02 có diện tích 14.135m², có vị trí tại khu K thuộc thôn N, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

*** Tại biên bản xác minh và lấy lời khai ngày 19/6/2023:** Đối với ba ông Trưởng thôn Năm Nhả, xã X qua các thời kỳ từ năm 2005 đến nay thể hiện. Từ trước nay diện tích đất tranh chấp là đất rừng tự nhiên không có ai sử dụng.

*** Tại biên bản lời khai ngày 26/6/2003 và ngày 27/6/2003, ông Hoàng Văn S2 trình bày:** Ông ở thôn N, xã X từ năm 1979 và làm trưởng thôn từ năm 2012 đến năm 2019. Trong quá trình sinh sống là làm trưởng thôn ông thấy diện tích đất tranh chấp là đất rừng tự nhiên và không có ai quản lý, sử dụng. Năm 2009 ông được cấp Giấy CNQSDĐ có cả diện tích đất tranh chấp, ông vẫn quản lý và sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp. Năm 2019 ông xem xét lại thấy diện tích đất của ông được cấp trong giấy CNQSDĐ vượt quá phần ông đã mua nên ông đề nghị hủy Giấy CNQSDĐ để cấp lại theo đúng diện tích. Tuy nhiên việc ông đề nghị hủy Giấy CNQSDĐ không phải để trả lại cho các bên tranh chấp mà để trả lại cho Nhà nước.

*** Tại các biên bản lấy lời khai của những người làm chứng đối với ông Hoàng Văn T3 ngày 05/01/2023; ông Hoàng Văn L1 và ông Hoàng Văn D1 ngày 07/6/2023; bà Lý Thị S3, ông Hoàng Văn S1 ngày 07/9/2023, ông Lý Văn D5, ông Lý Văn D6 ngày 09/9/2023 đều thể hiện:**

Năm 1993 gia đình ông Lý Văn S chuyển từ Cao Bằng xuống thôn N, xã X, huyện P sinh sống, khi xuống ông S đã mua lại nhà cửa, đất đai, chuồng trại của ông Lý Phụ P do ông P chuyển đi M sinh sống. Sau khi mua lại toàn bộ tài sản của ông P thì gia đình ông S ở tại ngôi nhà cũ của ông P và cho cháu là ông K2 trồng ngô ở diện tích dưới đường mòn còn phần diện tích trên đường mòn thì không thấy ông S làm gì. Vị trí ông S làm nương ngô là ở khu vực Khu Ô, cách khu vực tranh chấp khoảng 02km.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2023 ông Lý Phụ P trình bày:** Qua đối chiếu với sơ đồ thực địa diện tích đất tranh chấp ông xác định trong thời gian sinh sống tại địa phương ông không có mảnh đất nào ở khu vực tranh chấp, không có đất nào ở khu vực phía sau nhà ông Phùng Sành P1 hay đình Kéo Kham.

Tại Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 4, Điều 39; khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 203 luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP, ngày 16-3-2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn S, gồm các yêu cầu:

- Buộc ông Ma Văn C chấm dứt mọi hành vi tranh chấp, trả lại cho gia đình ông Lý Văn S đối với diện tích đất tranh chấp khoảng 15.000m² tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02.

- Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp khoảng 15.000m² tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 cho gia đình ông Lý Văn S.

Kiến nghị: UBND xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn tăng cường công tác quản lý, bảo vệ diện tích đất rừng đã được quy hoạch theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ông Lý Văn S kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lý Văn S và người đại diện theo ủy quyền có ý kiến: Đề nghị HĐXX sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST, ngày 29/9/2022 của TAND huyện Pác Nặm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Buộc ông Ma Văn C chấm dứt mọi hành vi tranh chấp và công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn là 14.215,9m² tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 cho gia đình ông Lý Văn S, phần diện tích đất này là do ông nhận chuyển nhượng của ông P (là phần đất ông P mua của ông Lý Văn K1 theo “giấy bán nhượng nương ngô”). Bởi vì việc mua bán giữa ông S và ông P là có thật và những người làm chứng đều khẳng định vị trí đất tranh chấp là vị trí mà ông S đã mua của ông P, địa danh trong giấy tờ chuyển nhượng có thể do nhầm lẫn.

Bị đơn ông Ma Văn C có ý kiến: Không nhất trí với yêu cầu của ông S vì đất là của ông quản lý, sử dụng từ lâu và ông có đào hào ranh giới phần đất và khi nhà nước thu hồi đất để làm đường liên thôn thì ông là người được nhận tiền bồi thường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về tố tụng: Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm không đưa ông Lý Phụ P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Phần quyết định của bản án có tuyên về việc kiến nghị UBND xã X và giao đất tranh chấp cho UBND xã quản lý là không đúng quy định pháp luật vì đó là rừng sản xuất.

Về nội dung: Diện tích đất tranh chấp khoảng 14.215,9m² thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 tại khu vực thôn N, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn là một phần diện tích đất mà ông Lý Văn S nhận chuyển nhượng lại từ ông Lý Phụ P từ năm 1993 cụ thể là phần đất ông P mua của ông Lý Văn K1 sau đó ông P bán cho ông S. Trước khi nhận chuyển nhượng ông P có đưa ông S, ông Phùng Sành P1 (đã chết) là bố của ông C và ông Lý Văn D3 là người uy tín của thôn N đi chỉ ranh giới cụ thể trên thực địa. Toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng theo Giấy chuyển nhượng của ông Lý Phụ P có xác nhận của UBND xã X ngày 12/02/1993. Trước đây không có đường liên thôn nên phần diện tích đất gồm

15.000m² và 4000m² chia cho ông K2 là dãy đôi kéo dài liền nhau, từ sau nhà cũ ông P vẫn là cùng một thửa, năm 2010 Nhà nước làm đường liên thôn đi cắt ngang qua mới hình thành, thay đổi hiện trạng phần đất ông S cho ông K2 nằm phía dưới đường liên thôn. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông P ông S đã ở tại ngôi nhà cũ của ông P và canh tác sử dụng toàn bộ diện tích tranh chấp từ năm 1993 đến năm 1998 thì chuyển sang nơi ở mới tại N cùng thôn và chuyển sang quản lý, bảo vệ để cây mọc tự nhiên đến năm 2020 có ông C đến tranh chấp. Hiện trạng đất hiện nay là các cây rừng tự nhiên phát triển do ông S4 quản lý, bảo vệ. Đến năm 2021 gia đình ông C đã trồng trộm vào khoảng 5000 cây quế vào dưới gốc cây mọc tự nhiên, ông S đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã X, huyện P ngăn chặn kịp thời để chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Nay ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết gồm:

Buộc ông Ma Văn C chấm dứt mọi hành vi tranh chấp 14.215,9m² tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02;

Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp 14.215,9m² tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 cho gia đình ông Lý Văn S theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Ma Văn C vì ông C đã quản lý, sử dụng từ lâu. Ông C cũng đã đào hào ranh giới với các hộ giáp ranh và năm 2010 khi nhà nước thu hồi để làm đường liên thôn thì ông C được nhận tiền đền bù. Về địa danh đất tranh chấp là ở K còn địa danh trong giấy tờ chuyển nhượng giữa ông S và ông P là ở K. Ông P, ông K1 đã xác định không có đất ở khu đất hiện nay đang có tranh chấp. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người làm chứng là ông Lý Văn D3 (em trai ruột của ông S), ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn S1 (Thông gia của ông S) đều khẳng định phần đất tranh chấp giữa ông S và ông C là đất của ông S.

Người làm chứng là ông Ma Văn M có mặt tại khu đất tranh chấp khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ khẳng định diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông S và ông C thuộc địa danh Kéo Kham. Địa danh Ké P2, Khuổi T4 là địa danh khác cách vị trí đất tranh chấp khoảng 1,5 đến 02km. Ông đã được Tòa án cho tiếp cận “Giấy nhượng đám nương” của bố ông là ông Ma Văn T5 cho ông P và khẳng định vị trí đất đang có tranh chấp không phải phần đất mà bố ông đã chuyển nhượng cho ông S. Phần đất mà bố ông đã chuyển nhượng cho ông S hiện nay ông S vẫn đang quản lý, sử dụng.

Người làm chứng là ông Lý Văn K1 có mặt tại khu đất tranh chấp khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ khẳng định: Địa danh Ké Pao, Khuổi Tích là địa danh khác với Kéo K3 và cách hai địa danh này cách nhau khoảng 1,5 đến 02km. Phần đất tranh chấp là ở K. Ông K1 đã được Tòa án cho tiếp cận “giấy bán nhượng nương ngô” giữa ông và ông P do ông S cung cấp và khẳng định phần đất mà ông nhượng lại cho ông P là ở K và hiện nay ông S vẫn đang quản lý, sử dụng. Gia đình ông chưa bao giờ có đất ở Kéo K.

Người làm chứng là ông Lý Kiềm T6 có mặt tại khu đất tranh chấp khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Khu vực đồi Ké Pạo - Khu Ô và khu vực đồi Nặm Nhả cách nhau hơn 2km. Khu đất có nhà ông C có tên địa danh gọi chung là khu N.

Người làm chứng là ông Hoàng Văn T1 có mặt tại khu đất tranh chấp khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Địa danh khu đất có tranh chấp là Kéo Kham. Tôi không biết đất tranh chấp do ai trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng gia đình ông C sinh sống gần khu đất (ngay sau nhà); còn ông S sinh sống ở nơi khác. Đường liên thôn T - N (xã X) được xây dựng (làm đường bê tông) cách đây khoảng 3-4 năm. Trước khi làm đường bê tông thì đã có đường mòn từ lâu đời, từ khi tôi sinh ra (năm 1966) đã có.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án:

1. Diện tích đất do nguyên đơn ông Lý Văn S xác định:

- Diện tích: 20.474,9m²; trong đó: Diện tích 2.677,8m² thuộc thửa đất số 284, TBĐ số 02; Diện tích 1.358,4m² thuộc thửa đất số 195, TBĐ số 02; Diện tích 16.438,7m² thuộc thửa đất số 177, TBĐ số 02, Bản đồ địa chính năm 2009.

- Địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã X, huyện P.

2. Diện tích đất do bị đơn ông Ma Văn C xác định:

- Diện tích: 15.258,8m²; trong đó: Diện tích 669,6m² thuộc thửa đất số 195, TBĐ số 02; Diện tích 14.589,2m² thuộc thửa đất số 177, TBĐ số 02, Bản đồ địa chính năm 2009.

- Địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã X, huyện P.

3. Diện tích đất tranh chấp:

- Diện tích: 14.885,5m²; trong đó: Diện tích 669,6m² thuộc thửa đất số 195, TBĐ số 02; Diện tích 14.215,9m² thuộc thửa đất số 177, TBĐ số 02, Bản đồ địa chính năm 2009. Đối chiếu Bản đồ địa chính năm 2013, diện tích đất tranh chấp 14.885,5m² không có số thửa.

- Địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã X, huyện P.

- Tứ cận tiếp giáp:

+ Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn S2;

+ Phía Tây giáp đường bê tông và phần đất tranh chấp do ông Lý Văn S xác định;

+ Phía Nam giáp đường đất;

+ Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn S2 và Lý Văn N3 (tên gọi khác Lý Đào T7).

- Hiện trạng: Trên đất tranh chấp có khoảng 5000 cây quế do ông Ma Văn C trồng năm 2020 và năm 2021; các cây tự nhiên; Có đường hào chiều rộng 90cm, chiều sâu 90cm, các bên xác định đoạn hào trên do ông Hoàng Văn S2

đào; Có phần đất san ủi làm nền nhà của ông Phùng Chòi N2; 01 bể chứa nước sạch có diện tích 1m².

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lý Văn S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST, ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[II] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của nguyên đơn: Làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

[III]. Về nội dung:

[2.1] Đối với kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm ông đưa ông Lý Phụ P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy ông P là người chuyển nhượng đất cho ông Lý Văn K1, do vậy xác định ông P là người làm chứng là đúng theo quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm không xác định ông P là người làm chứng trong bản án là thiếu sót. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của ông P đầy đủ và có nhận định đối với lời khai của ông P do đó việc thiếu sót này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm .

[2.2] Xác định phần đất tranh chấp trong vụ án: Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn và yêu cầu của các đương sự và tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định: Phần đất tranh chấp giữa ông Lý Văn S và ông Ma Văn C là phần đất có diện tích 14.215,9m² (*Được xác định theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2024 có bản trích đo địa chính và bảng tọa độ các mốc giới kèm theo*). Toàn bộ diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2009. Địa chỉ thửa đất: khu K thuộc thôn N, xã X, huyện P.

[2.3] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Nguyên đơn khai: Diện tích đất tranh chấp 14.215,9m² thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02 tại khu vực thôn N, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn là một phần diện tích đất mà ông Lý Văn S nhận chuyển nhượng lại từ ông Lý Phụ P từ năm 1993 cụ thể là phần đất mà ông P nhận chuyển nhượng của ông Lý Văn K1 theo “giấy bán nhượng nương ngô”. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông P ông S đã ở tại ngôi nhà cũ của ông P và canh tác sử dụng toàn bộ diện tích tranh chấp từ năm 1993 đến năm 1998 thì chuyển sang nơi ở mới tại N cùng

thôn và chuyển sang quản lý, bảo vệ để cây mọc tự nhiên đến năm 2020 thì xảy ra tranh chấp.

Bị đơn khai: Diện tích đất tranh chấp là của bố ông là ông Phùng Sành P1 đã canh tác, quản lý sử dụng từ lâu. Bản thân ông đã được đào hào làm ranh giới. Năm 2010 nhà nước mở rộng đường có thu hồi phần đất của ông và ông là người nhận tiền đền bù. Ông khẳng định đất tranh chấp là của ông quản lý, sử dụng từ lâu.

Đại diện ủy ban nhân dân xã X xác định: Năm 2010 Nhà nước thu hồi đất để làm đường liên thôn N - T thì Nhà nước có thu hồi phần đất trong thửa đất có tranh chấp và hộ ông C là người nhận tiền đền bù. Hiện tại đất tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ cho ai.

HĐXX xét thấy: Đối với giấy tờ mua bán, chuyển nhượng đất nương ông S cung cấp chỉ thể hiện nội dung giao dịch giữa ông Lý Văn K1 với ông Lý Phụ P, sau đó ông P đi M đã chuyển nhượng lại cho ông S sử dụng. Việc chuyển nhượng giữa ông P và ông S không lập thành văn bản độc lập mà chỉ ghi ra mặt sau của giấy tờ mua bán cũ của ông P. Trong giấy không thể hiện diện tích đất và vị trí cụ thể tại đâu. Trong giấy mua bán giữa ông K1 và ông P thể hiện đất ở Ké P.

Lời khai của ông Lý Phụ P xác định ông không có đất ở khu vực các bên đang tranh chấp.

Lời khai của ông Ma Văn M (con của ông Ma Văn T5) và ông Lý Văn K1 khẳng định vị trí mà ông T5 và ông K1 bán lại cho ông P là ở Khu Ô và K, cách vị trí đất đang có tranh chấp giữa ông S và ông C khoảng từ 1,5km đến 02km. Ông M, ông K1 xác định phần đất mà các ông bán cho ông P hiện nay ông S vẫn đang quản lý, sử dụng và có làm lán chăn nuôi bò tại đó.

Lời khai của những người làm chứng khác chỉ xác định được, năm 1993 gia đình ông Lý Văn S chuyển từ Cao Bằng xuống thôn N, xã X, huyện P sinh sống, khi xuống ông S đã mua lại nhà cửa, đất đai, chuồng trại của ông Lý Phụ P do ông P chuyển đi M sinh sống. Sau khi mua lại toàn bộ tài sản của ông P thì gia đình ông S ở tại ngôi nhà cũ của ông P. Các lời khai đều không xác định được cụ thể diện tích và vị trí đất mà ông S mua lại của ông P.

Các lời khai của những người làm chứng khác và tài liệu trong hồ sơ thể hiện diện tích đất tranh chấp không có ai quản lý, sử dụng mà từ nhiều năm nay chỉ để cây rừng tự nhiên phát triển.

Việc ông P, ông M, ông K1 khai là hoàn toàn tự nguyện và cam đoan là hoàn toàn đúng sự thật. Như vậy có căn cứ để xác định diện tích đất có tranh chấp thuộc địa danh Kéo Kham.

Do đó, không có cơ sở để xác định diện tích tranh chấp chính là diện tích đất mà ông S đã mua lại của ông P theo giấy “Giấy bán nhượng nương ngô” mà ông P mua của ông Lý Văn K1.

[2.4]. Xét yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Do không có cơ sở để xác định diện tích tranh chấp chính là diện tích đất mà ông S đã mua lại của ông P theo “Giấy bán nhượng nương ngô” nên HĐXX thấy không có cơ sở chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của Lý Văn S do đó không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[2.5]. Tại phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn có quyết định nội dung:

“*Kiến nghị: UBND xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn tăng cường công tác quản lý, bảo vệ diện tích đất rừng đã được quy hoạch theo quy định của pháp luật*”. HĐXX nhận thấy việc trong vụ án này không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện UBND xã X, huyện P có vi phạm trong công tác quản lý đất đai tại địa phương, việc Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung kiến nghị trên là không đúng quy định do đó cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá đầy đủ chứng cứ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn S là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lý Văn S không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình do đó kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

[III] Về chi phí tố tụng: Ông Ma Văn C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 9.300.000^d, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn.

[IV] Về án phí: Căn cứ Điều 148/BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Lý Văn S là người cao tuổi, là dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và có đơn xin miễn án phí do đó HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 38, Điều 148, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Lý Văn S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Ma Văn C chấm dứt mọi hành vi tranh chấp đối với diện tích đất tranh chấp 14.215,9m² thuộc thửa đất số 177, TĐĐ số 02, Bản đồ địa chính năm 2009. Địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã X, huyện

P. (Thửa đất được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-A-B-C-D-14a-15a-16a-17a-23-24-25-26-27-1 xác định theo bản trích đo địa chính kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2024 và bảng tọa độ các mốc giới kèm theo).

- Không công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp 14.215,9m² thuộc thửa đất số 177, TĐĐ số 02, Bản đồ địa chính năm 2009. Địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã X, huyện P cho gia đình ông Lý Văn S. (Thửa đất được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-A-B-C-D-14a-15a-16a-17a-23-24-25-26-27-1 xác định theo bản trích đo địa chính kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2024 và bảng tọa độ các mốc giới kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Ma Văn C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 9.300.000^d (Chín triệu ba trăm nghìn đồng). Xác nhận ông C đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn Lý Văn S được miễn 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Pác Nặm;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm;
- Cục THDS tỉnh Bắc Kạn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy